

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÔNG VÀNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÔNG VÀNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÔNG VÀNG

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp

Số 0102721191 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 9 tháng 4 năm 2008 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 63) ngày 18 tháng 2 năm 2019.

Chủ tịch công ty

Ông Đào Thế Vinh

Hội đồng Quản trị

Ông Đào Thế Vinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Tường	Thành viên
Ông Trần Việt Trung	Thành viên
Ông Carl Rodrigues	Thành viên (từ ngày 15 tháng 1 năm 2019)
Ông Thomas Lanyi	Thành viên (từ ngày 15 tháng 1 năm 2019)
Ông Nainesh Jaisingh	Thành viên (cho đến ngày 15 tháng 1 năm 2019)
Bà Thủy Vũ Dropsey	Thành viên (cho đến ngày 15 tháng 1 năm 2019)

Ban Giám đốc

Ông Đào Thế Vinh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Tường	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo Pháp luật

Ông Đào Thế Vinh	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

Trụ sở chính

Số 60, Phố Giang Văn Minh, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÔNG VÀNG

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Công Vàng ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 47. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 để có đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Giám đốc



Đào Thế Vinh
Tổng Giám đốc/Người đại diện theo Pháp luật

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 29 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CỒNG VÀNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cồng Vàng ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2019, và được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 29 tháng 4 năm 2020. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 47.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

Trần Khắc Thể
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2043-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Cẩm Ly
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3067-2019-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 2509
Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÔNG VÀNG

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2019 VND	2018 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.038.137.730.060	990.028.417.914
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	271.329.682.129	379.360.536.672
111	Tiền		141.329.682.129	155.360.536.672
112	Các khoản tương đương tiền		130.000.000.000	224.000.000.000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		10.000.000.000	10.093.493.151
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	10.000.000.000	10.093.493.151
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		211.234.380.741	316.796.695.372
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	44.839.332.770	54.859.071.993
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	55.553.572.792	38.781.472.189
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	7(a)	5.000.000.000	105.023.876.356
136	Phải thu ngắn hạn khác	8(a)	105.733.363.343	118.002.913.597
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5,8(a)	(257.299.999)	(35.800.000)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		365.411.835	165.161.237
140	Hàng tồn kho	9	483.534.120.236	224.556.428.394
141	Hàng tồn kho		484.015.449.233	224.854.375.428
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(481.328.997)	(297.947.034)
150	Tài sản ngắn hạn khác		62.039.546.954	59.221.264.325
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	58.397.520.572	58.005.983.593
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		3.642.026.382	1.215.280.732
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.117.862.256.047	962.980.075.186
210	Các khoản phải thu dài hạn		164.274.659.587	141.508.424.921
215	Phải thu về cho vay dài hạn	7(b)	19.801.887.006	32.542.669.528
216	Phải thu dài hạn khác	8(b)	144.472.772.581	108.965.755.393
220	Tài sản cố định		169.008.138.749	139.526.780.427
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	162.605.291.369	134.397.695.995
222	Nguyên giá		305.513.056.328	236.730.277.393
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(142.907.764.959)	(102.332.581.398)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	6.402.847.380	5.129.084.432
228	Nguyên giá		18.098.863.174	14.584.396.943
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(11.696.015.794)	(9.455.312.511)
240	Tài sản dở dang dài hạn		65.087.047.620	72.377.145.348
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	65.087.047.620	72.377.145.348
250	Đầu tư tài chính dài hạn	13	47.093.602.739	76.941.411.287
251	Đầu tư vào công ty con		57.853.796.266	91.353.496.266
252	Đầu tư vào công ty liên kết		7.200.000.000	7.200.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(17.960.193.527)	(21.612.084.979)
260	Tài sản dài hạn khác		672.398.807.352	532.626.313.203
261	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	672.398.807.352	532.626.313.203
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG TÀI SẢN		2.155.999.986.107	1.953.008.493.100

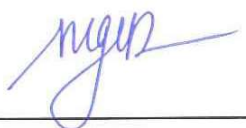
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÔNG VÀNG

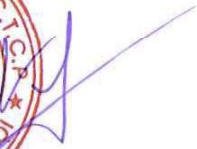
Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2019 VND	2018 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		939.474.578.344	980.001.675.413
310	Nợ ngắn hạn		927.572.212.963	948.423.783.862
311	Phải trả người bán ngắn hạn	14	223.724.018.413	200.366.320.189
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5.076.337.525	1.543.383.792
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	63.386.895.738	57.895.531.915
314	Phải trả người lao động	16	174.406.261.618	134.630.774.251
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	17	45.848.655.288	65.233.639.772
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		4.817.122.757	4.103.280.766
319	Phải trả ngắn hạn khác	18	36.451.573.290	208.916.726.426
320	Vay ngắn hạn	19(a)	373.861.348.334	275.734.126.751
330	Nợ dài hạn		11.902.365.381	31.577.891.551
338	Vay dài hạn	19(b)	11.902.365.381	31.577.891.551
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.216.525.407.763	973.006.817.687
410	Vốn chủ sở hữu		1.216.525.407.763	973.006.817.687
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20,21	76.341.240.000	76.341.240.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		76.341.240.000	76.298.740.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	42.500.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	21	(71.626.428.562)	16.002.919.800
415	Cổ phiếu quỹ	21	(47.145.803.798)	(134.219.152.160)
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	21	1.258.956.400.123	1.014.881.810.047
421a	- LNST chưa phân phối của các năm trước		934.164.569.638	739.035.448.040
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		324.791.830.485	275.846.362.007
440	TỔNG NGUỒN VỐN		2.155.999.986.107	1.953.008.493.100


Ninh Thị Giang
Kế toán trưởng/Người lập




Đào Thế Vinh
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 4 năm 2020

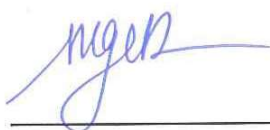
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÔNG VÀNG

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.711.888.280.958	3.928.915.278.446
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.711.888.280.958	3.928.915.278.446
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(1.833.495.297.076)	(1.514.695.808.632)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.878.392.983.882	2.414.219.469.814
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5.798.206.272	18.712.556.944
22	Chi phí tài chính	(20.652.832.940)	(26.439.984.402)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(14.698.926.473)	(14.136.407.851)
25	Chi phí bán hàng	(2.187.930.317.219)	(1.871.190.806.885)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(292.690.557.541)	(259.725.853.760)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	382.917.482.454	275.575.381.711
31	Thu nhập khác	30.092.806.401	68.879.401.765
32	Chi phí khác	(8.445.036.540)	(3.301.592.693)
40	Lợi nhuận khác	21.647.769.861	65.577.809.072
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	404.565.252.315	341.153.190.783
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(79.773.421.830)	(61.493.961.787)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	(3.812.866.989)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	324.791.830.485	275.846.362.007


Ninh Thị Giang
Kế toán trưởng/Người lập




Đào Thế Vinh
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 4 năm 2020

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÔNG VÀNG

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

		Năm tài chính kết thúc ngày	
Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	404.565.252.315	341.153.190.783
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	48.544.813.210	37.495.408.759
03	Các khoản dự phòng	(3.247.009.490)	8.825.319.456
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.433.468.521
05	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	5.695.879.147	(17.665.532.599)
06	Chi phí lãi vay	14.698.926.473	14.136.407.851
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	470.257.861.655	386.378.262.771
09	Tăng các khoản phải thu	(18.404.383.683)	(93.130.887.247)
10	Tăng hàng tồn kho	(259.161.073.805)	(50.675.112.545)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(38.360.395.100)	57.396.681.117
12	Tăng chi phí trả trước	(140.164.031.128)	(126.745.033.958)
14	Tiền lãi vay đã trả	(52.994.335.500)	(8.198.509.353)
15	Thuế TNDN đã nộp	(74.737.459.071)	(66.216.117.462)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(113.563.816.632)	98.809.283.323
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(40.480.833.725)	(86.141.721.142)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	717.094.307	1.078.575.112
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(10.000.000.000)	(46.692.835.151)
24	Tiền thu hồi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	28.794.275.673	101.055.107.887
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(3.092.280.000)	(13.999.700.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	27.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	4.916.250.830	14.524.169.116
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	7.854.507.085	(30.176.404.178)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền chi trả mua lại cổ phiếu đã phát hành	(56.000.000)	-
33	Tiền thu đi vay	888.301.765.411	598.708.063.197
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(809.850.069.998)	(439.072.354.920)
36	Tiền cổ tức	(80.717.240.409)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(2.321.544.996)	159.635.708.277
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(108.030.854.543)	228.268.587.422
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 379.360.536.672	151.091.949.250
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 271.329.682.129	379.360.536.672


Ninh Thị Giang
Kế toán trưởng/Người lập




Đào Thế Vinh
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 4 năm 2020

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.